

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 51/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2017

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;

2. Ông Lê Quang Xệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lê – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên T hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 285/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/9/2017, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị K, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Ấp Kim Quý A2, xã Vân Khánh Tây, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ tạm trú: đường 16, khu phố Vĩnh Thuận, phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Lê Minh T, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Ấp Tân Phú, xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ bà Phạm Thị Hoàng tổ 4, khu phố Cây Chàm, phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị K trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị K và anh Lê Minh T chung sống với nhau trên cơ sở tìm hiểu nhau tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vân Khánh Tây, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26/2014, quyền số 01/2014 ngày 19/3/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống và lập nghiệp tại Bình Dương. Vợ chồng hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất hòa về quan điểm sống, lối sống, không tìm thấy Tg nói chung và không tin tưởng nhau. Thậm chí anh Hiếu còn đánh đập chị K. Do đó, chị K đã đưa con chung Lê Thị Thu S bỏ đi. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị K yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh T.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Thu S, sinh ngày 03/5/2014. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Thị Thu S; không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 9 năm 2017 anh Lê Minh T trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Lê Minh T thống nhất với lời trình bày của chị Trần Thị K về thời gian tìm hiểu, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị K thường xuyên đi sớm về khuya, thậm chí còn uống rượu say xỉn. Anh T nhiều lần khuyên chị K nhưng chị K không nghe lời, trong lúc nóng giận nên anh T có đánh chị K. Vợ chồng cũng ly thân từ đầu năm 2016 đến nay, anh T đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị K không đồng ý. Nay chị K yêu cầu ly hôn với anh T, anh T đồng ý.

+ *Về con chung*: Anh T thống nhất vợ chồng có 01 con chung như chị K trình bày. Khi ly hôn, anh T đồng ý giao con chung tên Lê Thị Thu S cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

Theo kết quả xác minh thì anh Lê Minh T có đăng ký tạm trú và sinh sống tại nhà trọ bà Phạm Thị Hoàng, Tổ 4, khu phố Cây Chàm, phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Về mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương không nhận được tin báo hay đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của đương sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người T hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị K, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Thị K và anh Lê Minh T.

+ Về con chung: Do chị Trần Thị K hiện đang nuôi dưỡng con chung Lê Thị Thu S nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị K được trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Vấn đề tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã Tân Uyên và nguyên đơn đề nghị TAND thị xã Tân Uyên giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Bị đơn anh Lê Minh T vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Minh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị K và anh Lê Minh T là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Vân Khánh Tây, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26/2014, quyển số 01/2014 ngày 19/3/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất hòa về quan điểm sống, lối sống, không tìm thấy Tg nói chung và không tin tưởng nhau, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2016 đến nay nên chị K yêu cầu được ly hôn. Anh T cũng thừa nhận vợ chồng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đồng ý ly hôn với chị K.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lê Thị Thu S, sinh ngày 03/5/2014. Hiện nay cháu S đang sống với chị K. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý giao cháu S cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, ý kiến của các đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị K được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Thu S.

Tại phiên tòa, chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị K rõ về quyền lợi của con chưa thành niên và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị K vẫn tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của chị K.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Trần Thị K phải nộp án phí Hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 92 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị K và anh Lê Minh T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Thị Thu S, sinh ngày 03/5/2014 cho chị Trần Thị K trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị K về việc không yêu cầu anh Lê Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị K và anh Lê Minh T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Anh T được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị K phải nộp số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013117 ngày 07/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (chị Trần Thị K không phải nộp thêm).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị K có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lê Minh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND xã Vân Khánh Tây, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tâm

